

Bản án số: 61/2023/HSPT

Ngày: 22 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trục

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân;
2. Ông Vũ Hoài N.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 07/2023/HSPT ngày 11/01/2023 đối với các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 428/2022/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Bích Tr, giới tính: nữ; sinh ngày 03/9/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 2/58E, Đường A, Khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên; con ông Dương Tấn T (sinh năm 1965) và bà Phạm Thị N (sinh năm 1972); chồng Nguyễn Công D và có 01 người con (sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

2. Nguyễn Thanh Th, giới tính: nữ; sinh ngày 19/6/1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 61/3, Đường A, Khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên; con ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1973) và bà Nguyễn Thị Thu N (sinh năm 1971); bị cáo có 01 người con (sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

3. Nguyễn Phước T, giới tính: N; sinh ngày 01/01/1995, tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: 30/19 A, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: nhân viên; con ông Nguyễn Thanh Th và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

Ngoài ra vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hoàng N (sinh năm 1995) không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chuyên phát nhanh Thuận Phong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng lao động với Dương Bích Tr làm việc tại điểm kinh doanh số 39 tại địa chỉ số 38A, Đường số A, phường C, thành phố Thủ Đức, giữ chức vụ Trưởng bưu cục và có nhiệm vụ quản lý tài sản, hàng hóa và tiền hàng, cước phí tại bưu cục. Nguyễn Thanh Th là nhân viên giao dịch Bưu cục (Admin), có nhiệm vụ thu và nộp tiền hàng, tiền cước nhận từ Shipper về cho Công ty. Nguyễn Phước T và Nguyễn Hoàng N là nhân viên giao nhận (Shipper) có nhiệm vụ giao, trả hàng theo tuyến, thu tiền theo yêu cầu của đơn hàng và thực hiện công việc, nhiệm vụ quyền hạn theo bản mô tả công việc của Công ty theo thỏa thuận. Trường hợp xảy ra mất tiền, tài sản do yếu tố khách quan thì Tr và Th phải bồi thường 70% giá trị tiền, tài sản. Số còn lại thì anh Ngô Đức Truyền là Trưởng vùng bồi thường 20% và anh Nguyễn Lương Tâm là Trưởng khu vực bồi thường 10%.

Do cần có tiền tiêu xài, ngày 04/02/2021, Tr nhắn tin qua mạng xã hội zalo và gọi điện thoại rủ T, Th và N cùng chiếm đoạt tiền của Công ty bằng cách báo bị mất tiền cước hoặc bị cướp giật tiền cước trên đường vận chuyển để chiếm đoạt tiền của Công ty thì cả ba đồng ý.

Khoảng 13 giờ ngày 08/02/2021, như đã bàn bạc Tr chủ động rời khỏi địa điểm kinh doanh và nói với Th và N “*bây giờ tao đi Quận 9, tụi bây tự xử nha*” nhằm ra tín hiệu cho Th và N biết bắt đầu thực hiện chiếm đoạt tiền của Công ty như đã bàn bạc trước đó. Th lấy số tiền 70.441.000 đồng bỏ vào túi xách màu da bò rồi nói N gọi điện cho T biết và N điều khiển xe mô tô hiệu Prase màu đỏ, biển số 64B1-320.95 chở Th giả vờ đi ra ngân hàng để gửi tiền vào tài khoản của Công ty. T giả làm đối tượng cướp giật tài sản đã chờ sẵn bên ngoài. Lúc N vừa chở Th đi đến trước số 38A, Đường số B, phường C thì T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade màu trắng, biển số 59S2-316.82 từ phía sau chạy vượt lên dùng tay trái giật lấy túi xách mà Th đã cố tình cầm hờ trên tay, rồi điều khiển xe chạy ra hướng đường Đồng Văn Cống. N điều khiển xe chở Th, giả vờ loạng choạng xe trước camera an ninh của địa điểm kinh doanh nhằm tạo chứng cứ giả. Sau khi giật được giỏ xách thì T mang về phòng trọ của mình ở số 30/19 Đường 11, phường C, thành phố Thủ Đức cất giấu.

Sau đó, Th báo Tr biết đã dàn dựng vụ cướp tài sản xong. Tr điện thoại báo cho anh Nguyễn Lương Tâm là quản lý khu vực biết số tiền bị cướp giật khoảng 280.000.000 đồng. Anh Tâm báo anh Ngô Đức Truyền là quản lý vùng

và yêu cầu Tr, Th và N đến Công an phường C, thành phố Thủ Đức trình báo vụ việc bị chiếm đoạt tiền.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm về vụ “Cướp giật tài sản” do Nguyễn Thanh Th trình báo. Đội Cảnh sát Hình sự Công an thành phố Thủ Đức đã phối hợp với Viện kiểm sát và Công an phường C khám nghiệm hiện trường, rà soát camera, mời Tr, Th, N và một số người liên quan lấy lời khai. Qua đầu tranh của Công an phường C và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức thì Tr, Th, T và N đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như trên và đi chỉ điểm thu hồi vật chứng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 428/2022/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T, Nguyễn Hoàng N phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Dương Bích Tr: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Th: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2021.

- Căn cứ khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Cấm các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T, Nguyễn Hoàng N đảm nhiệm các chức vụ, quyền hạn liên quan đến việc thu, nộp, quản lý tiền trong các cơ quan, tổ chức trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/11/2022, các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận gì chỉ xin tòa xem xét chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, kết luận đối với vụ án: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th có bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới, tuy nhiên nhận thấy hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T, Nguyễn Hoàng N đều là nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chuyển phát nhanh Thuận Phong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng lao động), trong đó Dương Bích Tr giữ chức vụ Trưởng bưu cục và có nhiệm vụ quản lý tài sản, hàng hóa và tiền hàng, cước phí tại bưu cục. Nguyễn Thanh Th là nhân viên giao dịch Bưu cục (Admin), có nhiệm vụ thu và nộp tiền hàng, tiền cước nhận từ Shipper về cho Công ty. Nguyễn Phước T và Nguyễn Hoàng N là nhân viên giao nhận (Shipper) có nhiệm vụ giao, trả hàng theo tuyến, thu tiền theo yêu cầu của đơn hàng và thực hiện công việc, nhiệm vụ quyền hạn theo bản mô tả công việc của Công ty theo thỏa thuận và được Công ty phân công làm việc tại điểm kinh doanh số 39 (bưu cục) tại địa chỉ số 38A, Đường số B, phường C, thành phố Thủ Đức. Các bị cáo có sự bàn bạc thỏa thuận từ trước về việc dùng thủ đoạn chiếm đoạt của Công ty vào ngày 04/02/2021, theo đó Tr nhắn tin qua mạng xã hội zalo và gọi điện thoại rủ T, Th và N dùng thủ đoạn để cùng chiếm đoạt tiền của Công ty bằng cách dàn cảnh bị cướp giật tiền trên đường do Th và N đang trên đường đi đến Ngân hàng để chuyển số tiền do các bị cáo quản lý vào tài khoản của Công ty, nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty thì cả ba đồng ý.

Khoảng 13 giờ ngày 08/02/2021, Tr chủ động rời khỏi địa điểm kinh doanh và nói với Th và N “*bây giờ tao đi Quận 9, tụi bây tự xử nha*” nhằm ra tín hiệu cho Th và N biết bắt đầu thực hiện việc dàn cảnh bị cướp giật đã bàn bạc trước đó. Th lấy số tiền 70.441.000 đồng bỏ vào túi xách rồi nói N gọi điện cho T biết và điều khiển xe biển số 64B1-320.95 chở Th giả vờ đi ngân hàng để gửi tiền vào tài khoản của Công ty. T giả làm đối tượng cướp giật tài sản đã chờ sẵn bên ngoài. Khi N vừa chở Th đi tại trước điểm kinh doanh thì T điều khiển xe biển số 59S2-316.82 từ phía sau chạy vượt lên dùng tay trái giật lấy túi xách mà Th đã cố tình cầm hờ trên tay, rồi bỏ chạy. N điều khiển xe giả vờ loạng choạng xe trước camera an ninh của địa điểm kinh doanh nhằm tạo chứng cứ giả. Sau đó Th báo Tr biết đã dàn dựng vụ cướp tài sản xong. Tr điện thoại báo cho anh

Nguyễn Lương Tâm là quản lý khu vực biết số tiền bị cướp giật là 280.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt số tiền này của Công ty.

Với hành vi đó của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử tuyên bố Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T, Nguyễn Hoàng N phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, các bị cáo phạm tội trong trường hợp có tổ chức và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng quy định tại điểm a, d khoản 2 của Điều đã viện dẫn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; đã chủ động nộp lại số tiền chiếm đoạt; phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ và xử phạt mức án đối với từng bị cáo là tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th có tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo Tr đang mang thai, tích cực tham gia chống dịch Covid -19, đóng góp kinh phí cho địa phương gây quỹ tiết kiệm cho thanh niên nhập ngũ năm 2023; bị cáo Th là mẹ đơn thân phải nuôi con sinh năm 2014; tuy nhiên xét thấy mức án Tòa cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, không nặng nên không có căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Dương Bích Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 353; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Cấm các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T đảm nhiệm các chức vụ, quyền hạn liên quan đến việc thu, nộp, quản lý tiền trong các cơ quan, tổ chức trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Các bị cáo Dương Bích Tr, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Phước T mỗi người phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM;(1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND TP.Thủ Đức; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (3)
- THA TP.Thủ Đức; (1)
- TAND TP.Thủ Đức; (1)
- Công an TP.Thủ Đức; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (3)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (22). (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trục

